

HỌC VIỆN THÁNH GIUSE – DÒNG TÊN VIỆT NAM

Bộ môn: Ngôn Sứ  
Giáo sư hướng dẫn: Giuse-Maria Cao Gia An, S.J.

**Chống lại kiểu phụng tự hình thức**

Phân tích đoạn Am 5,21-27

Học viên thực hiện  
Matthew Huỳnh Minh Thiện, S.J.  
Email: [mattheuthien2109@gmail.com](mailto:mattheuthien2109@gmail.com)

Tháng 03 năm 2021

## MỤC LỤC

Dẫn Nhập .....	1
I. Khung Cảnh, Cấu Trúc Bản Văn .....	2
1. Khung Cảnh Bản Văn.....	3
2. Cấu Trúc Bản Văn.....	3
II. Phân Tích Bản Văn.....	4
1. Dân Ít-ra-en bị buộc tội về lỗi phụng tự hình thức (Am 5,21-23).....	4
a. Thiên Chúa chán ghét các lễ hội (c.21) .....	4
b. Thiên Chúa chối từ của lễ (c.22) .....	5
c. Đức Chúa Trời từ chối các bài hát ngợi khen của họ (c.23).....	6
2. Thiên Chúa đòi buộc lễ phải và công lý (Am 5,24) .....	8
3. Thiên Chúa lên án việc chạy theo ngẫu tượng (Am 5,25-26) .....	9
a. Lịch sử của tổ tiên dân Ít-ra-en (c.25) .....	9
b. Thờ ngẫu tượng (c.26) .....	10
4. Án lưu đày cho nhà Ít-ra-en (Am 5,27).....	12
Kết Luận.....	14
III. Ứng Dụng.....	15
Thư Mục Tham Khảo.....	18

## Dẫn Nhập

Thế kỷ thứ VIII trước Công Nguyên là mốc quan trọng đối với sự ra đời các sách ngôn sứ.<sup>1</sup> A-mốt được xem là sách ngôn sứ đầu tiên được biên soạn, tiếp sau đó là sách Hô-sê, Mi-kha và I-sai-a.<sup>2</sup> Vì là những sách đầu tiên, nên phần nào đó sẽ ảnh hưởng đến việc định hình thể loại văn chương cho các sách ngôn sứ về sau.

Năm 931 trước Chúa Giê-su, bối cảnh xã hội vương quốc Ít-ra-en có nhiều chuyển biến về mặt chính trị, từ một vương quốc thống nhất chia đôi thành hai vương quốc. Miền Bắc với tên gọi là Ít-ra-en thịnh vượng và giàu có, miền Nam là Giu-đa khó khăn và kém phát triển hơn. Miền bắc có điều kiện thuận lợi cho việc phát triển về kinh tế và kéo theo sự bành trướng về quân sự. Tuy nhiên, thực trạng xảy ra ở Miền Bắc là sự phồn thịnh chỉ đem lại lợi ích cho một số ít người thuộc tầng lớp giàu có. Người nghèo bị bóc lột và bị lợi dụng. Điều này là hệ quả của những bất công xã hội.

Xã hội phát triển về mặt kinh tế kéo theo những hệ lụy của bất công xã hội thì cũng ít nhiều ảnh hưởng đến khía cạnh tôn giáo. Việc thực hành tôn giáo trong thời gian thịnh vượng của Ít-ra-en mang đậm tính hình thức, bề ngoài, hiếm thấy đức tin chân thật. Xuất hiện nhiều hoạt động tôn giáo dị thường, thờ ngẫu tượng. Dân chúng thờ ngẫu tượng nhưng cứ tưởng đó là Đức Chúa. Đây là xu hướng Tổ hợp tôn giáo (Syncretism). Cũng chính trong khoảng thời gian này, các gương mặt ngôn sứ nổi lên như A-mốt, Hô-sê, Mi-kha và I-sai-a để lên án, phê phán cũng như đấu tranh cho công bình xã hội và hình thức phụng tự ngay chính trong tôn giáo. Victor H. Matthews nhận xét: *A-mốt lên án dân Ít-ra-en về một xã hội bất công và lối thực hành phụng tự không chính thống của họ.*<sup>3</sup>

---

<sup>1</sup> Joseph Blenkinsopp, *A History of Prophecy in Israel – Revised and Enlarged* (Louisville: Westminster John Knox, 1996), 74.

<sup>2</sup> Klaus Koch, *The Prophets – Volume One: The Assyrian Period* (Great Britain, London: SCM Press, 1982), 36-37; 77; 94.

<sup>3</sup> “He condemns the people of Israel for their social injustices and the unorthodox worship practices.” Victor H. Matthews, *Social World of the Hebrew Prophets* (Michigan: Baker Academic, 2011), 68.

Am 5,21-27 là một trích đoạn trình thuật những lời chỉ trích gay gắt về lối phụng tự và thực hành các nghi lễ thờ phượng của dân Ít-ra-en. A-mốt đứng lên phê phán và nói lời tiên tri nhằm cảnh tỉnh dân Ít-ra-en, đồng thời phủ nhận việc thờ phượng cũng như vị thế của các ngẫu tượng. Bài viết này sẽ đi vào phân tích bản văn và tập trung làm rõ ý nghĩa bản văn trong việc A-mốt phê phán lối phụng tự mang tính hình thức trong khía cạnh tương quan con người – Thiên Chúa.

### **I. Khung Cảnh, Cấu Trúc Bản Văn**

- 21 Lẽ lạt của các người, Ta chán ghét khinh thường ;  
hội hè của các người, Ta chẳng hề thích thú.
- 22 Các người có dâng lên Ta của lễ toàn thiêu ...  
những lễ vật của các người, Ta không vui nhận,  
chiên bò béo tốt các người đem hiến tế, Ta chẳng đoái hoài.
- 23 Hãy dẹp bỏ tiếng hát om sòm của người  
Ta không muốn nghe tiếng đàn của người nữa.
- 24 Ta chỉ muốn cho lễ phải như nước tuôn trào,  
cho công lý như dòng suối không bao giờ cạn.
- 25 Hỡi nhà Ít-ra-en, bốn mươi năm trường trong sa mạc,  
các người có dâng lên Ta hy lễ hay lễ phẩm nào không ?
- 26 Các người sẽ kiệu Xích-cút, vua của các người,  
và Ki-giun, ngôi sao của thần minh các người,  
là những ngẫu tượng các người đã làm ra để thờ.
- 27 Còn Ta, Ta sẽ đày các người đi xa hơn Đa-mát  
- ĐỨC CHÚA phán như vậy,  
đanh Người là Thiên Chúa các đạo binh.

## 1. Khung Cảnh Bản Văn

A-môt là người chăn cừu tại Tơ-cô-a thuộc vương quốc Giu-đa.<sup>4</sup> Xuất thân từ Miền Nam nhưng ơn gọi của A-môt là truyền sứ điệp của Chúa cho vương quốc miền Bắc là Ít-ra-en. Nội dung A-môt loan báo trên đất Ít-ra-en có thể được khái quát như sau: (I) Loan báo án phạt trên các nước Láng giềng và cho chính vương quốc Ít-ra-en (1,1 – 2,16); (II) Những lời cảnh cáo của Đức Chúa dành cho Ít-ra-en (3,1 - 6,14); (III) Những thị kiến: Lời đe dọa và lời hứa (7,1 – 9,10); (IV) Viễn tượng phục hưng đất nước thời thiên sai (9,11-15).

Chương 5 sách A-môt nằm trong loạt thông điệp cảnh cáo và đe dọa Ít-ra-en (Am 3,1 – 6,14). Các thông điệp nhằm mục đích nhắc nhở và thức tỉnh dân Ít-ra-en về lối sống bất công trong xã hội, cũng như một tôn giáo chỉ bằng lòng với những thực hành bên ngoài. A-môt được sai đến để cảnh tỉnh dân Ít-ra-en để họ nhận ra tính chất nghiêm trọng của tội lỗi. Thiên Chúa sẽ phán xử họ và kết cục là Ít-ra-en phải chịu cảnh lưu đày.<sup>5</sup> A-môt cảnh báo dân Ít-ra-en đã không bận tâm đến “Ngày của Thiên Chúa” (the Day of Yahweh).<sup>6</sup> Thiên Chúa muốn dân quy hướng về Ngài, tin cậy vào Ngài chứ không phải là việc tự cho mình là công bình. Điều Thiên Chúa muốn là công lý và lẽ phải chứ không cần đến nghi lễ. A-môt 5,21-27 như là một bản án của Thiên Chúa công bố cho dân Ít-ra-en qua ngôn sứ A-môt.

## 2. Cấu Trúc Bản Văn

1. Dân Ít-ra-en bị buộc tội về lối phụng tự hình thức (Am 5,21-23)
  - a. Thiên Chúa chán ghét các Lễ hội (c.21)
  - b. Thiên Chúa từ chối lễ dâng (c.22)
  - c. Thiên Chúa chẳng muốn nghe những lời ca tụng (c.23)

---

<sup>4</sup> Am 1,1.

<sup>5</sup> Am 3,12; 4,2-3; 5,5. 27; 6,7. 14

<sup>6</sup> Victor H. Matthews, *Social World of the Hebrew Prophets* (Michigan: Baker Academic, 2011), 73.

“Ngày của Thiên Chúa”: A-môt ngụ ý đến cuộc xâm lăng của đế quốc Át-sua, chiếm Ít-ra-en vào năm 721 Trước Chúa Giê-su.

Nguyễn Ngọc Rao, O.P., *Các sách Ngôn Sứ* (Sài Gòn, 2006), 68.

2. Thiên Chúa đòi buộc lễ phải và công lý (Am 5,24)
3. Thiên Chúa lên án việc chạy theo ngẫu tượng (Am 5,25-26)
  - a. Lịch sử của tổ tiên dân Ít-ra-en (c.25)
  - b. Thờ ngẫu tượng (c.26)
4. Án lưu đày cho nhà Ít-ra-en (Am 5,27)

## II. Phân Tích Bản Văn

Tại sao Am 5,21-27 lại được tách ra thành một đoạn trình thuật riêng? Lý giải điều này, người ta dựa vào giọng văn của Am 5,21-27 đặt trong bố cục chung của chương 5. Cụ thể là việc dựa vào giọng văn cùng với lối sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất - *Ta* (Đức Chúa) với đối tượng thứ hai *các người* (dân Ít-ra-en). Thiên Chúa là nhân vật chính và Ngài đang nói trực tiếp với dân Ít-ra-en. Dân Ít-ra-en tưởng chừng rằng những lễ nghi và lễ phẩm trong lối phụng tự của họ làm đẹp lòng Thiên Chúa, nhưng kết quả thì hoàn toàn trái ngược. Đức Chúa đã chỉ ra sự mù quáng và đạo đức giả tạo của dân Ít-ra-en. Đồng thời những điều Thiên Chúa chỉ ra cũng chính là lời cáo buộc và phán xét dành cho dân Ít-ra-en.

### 1. Dân Ít-ra-en bị buộc tội về lối phụng tự hình thức (Am 5,21-23)

Việc tách biệt Am 5,21-23 thành 1 tiểu đoạn để phân tích dựa vào yếu tố của mạch văn. Ở đây, mạch văn từ câu 21-23, người ta nhận thấy có sự liên kết với nhau qua lối hành văn: *Ta chán ghét* יִשְׂנֹאֵנִי (sānē'î); *Ta chẳng hề* מֵאֲסִי (mā'astî); *Ta không vui* לֹא אֶרְצֶה (lō 'erseh); *Ta chẳng đoái hoài* לֹא אֶבְטֵן (lō 'abbî); *Ta không muốn* לֹא אֶשְׁמָא' (lō 'ešmā').<sup>7</sup>

- a. Thiên Chúa chán ghét các lễ hội (c.21)

*Lễ lạt của các người, Ta chán ghét khinh thường;*

*Hội hè của các người, Ta chẳng hề thích thú.*

---

<sup>7</sup> Duane A. Garrett, *Amos - A Hand Book on the Hebrew Text* (Texas: Baylor University Press, 2008), 168-172.

Am 5,21 trong bản Do Thái có điểm đáng lưu ý là hai động từ *שָׁנְאוּ* (sănêti) chán ghét; *מָאֲסוּ* (mā'astí) chẳng hề ở thể hoàn thành được đặt cạnh nhau.<sup>8</sup> Với lối sử dụng hai động từ đặt kề cận nhau, cách nào đó muốn diễn tả phản ứng mạnh mẽ của Thiên Chúa trước những lễ hội mang tính thờ phượng đang diễn ra trong dân Ít-ra-en. Lễ lạt và hội hè được nhắc đến ở đây ngụ ý 3 Lễ chính của dân Ít-ra-en: (1) Lễ Bánh Không Men hay còn gọi là Lễ Vượt Qua; (2) Lễ Mùa Gặt; (3) Lễ Thu Hoạch.<sup>9</sup> Qua đây, A-mốt cho thấy Thiên Chúa ghê tởm trước những lễ hội nặng tính hình thức và lối sống của dân Ít-ra-en đạt đến đỉnh điểm của sự giả hình.

Trong bối cảnh xã hội Miền Bắc, dân Ít-ra-en đã thực hành các nghi lễ với những lễ tế không đẹp lòng Thiên Chúa. Ngài không thích những gì con cái Ít-ra-en dâng lên vì bản chất của những lễ lạt, hội hè này phát xuất từ lối sống đầy bất công và tội lỗi. Hay nói cách khác, những con người đại diện cho dân và thậm chí phần đông dân Ít-ra-en thuộc tầng lớp giàu có không thanh sạch trong khi dâng lễ tế mang tính chất thiêng liêng. Nghĩa là Thiên Chúa không chấp nhận lối thờ phượng được phát xuất từ đời sống tội lỗi.

b. Thiên Chúa chối từ của lễ (c.22)

*Các người có dâng lên Ta của lễ toàn thiêu ...*

*những lễ vật của các người, Ta không vui nhận,*

*chiên bò béo tốt các người đem hiến tế, Ta chẳng đoái hoài.*

Người Ít-ra-en thường dâng lễ phẩm là chiên bò trong Lễ Kỳ an. Của lễ được dùng trong Lễ Kỳ an sẽ được chia thành ba phần: Trước hết là dâng lên Thiên Chúa, thứ đến là các thầy tư tế đền thờ, và những người dâng lễ tế. Thế nhưng, thực tế cuộc sống của những người

---

<sup>8</sup> Thomas Edward McComiskey, ed., *The Minor Prophets: An Exegetical and Expository Commentary - Vol 1: Hosea, Joel, and Amos* (Baker Book House, Grand Rapids, 1992), 431.

<sup>9</sup> *חַג* (chag): a festival gathering, feast, pilgrim feast. Từ này mang ý nghĩa diễn tả các lễ hội tập thể của người Do Thái. Xem Xh 23,14-16; 34,18-26; Đnl 16,1-7.

dâng lễ tế lại mâu thuẫn với của Lễ Kỳ an họ dâng lên Thiên Chúa.<sup>10</sup> Trong bối cảnh xã hội lúc bấy giờ, A-môt đã cho dân Ít-ra-en biết rằng Thiên Chúa từ chối các lễ vật hiến tế: Lễ toàn thiêu, Chiên bò hiến tế. Việc sử dụng các động từ phủ định: *không vui nhận, chẳng đoái hoài*, cho thấy Thiên Chúa quay lưng với hành vi thờ phượng bất trung của Ít-ra-en. Thiên Chúa không thích thú gì với những của lễ như vậy. Phải chăng nguyên do đến từ của lễ? Thiên Chúa không hài lòng không phải đến từ những của lễ, nhưng từ những người dâng lễ. I-sai-a 1,13 đã đề cập đến điều này để chỉ những hành vi thờ phượng bất trung của dân Ít-ra-en: *Thôi, đừng đem những lễ vật vô ích đến nữa. Ta ghê tởm khói hương; Ta không chịu nổi ngày đầu tháng, ngày Sa-bát, ngày đại hội, không chịu nổi những người cứ phạm tội ác rồi lại cứ lễ lạt linh đình. Hay trong Giê-rê-mi-a 6,20 cũng cùng chung giọng văn: Ta cần chi nhũ hương từ Sơ-va đưa tới, cần chi cây sậy thom từ đất xa đem về? Lễ toàn thiêu của các ngươi chẳng làm đẹp lòng Ta chút nào. Lễ hy sinh của các ngươi không làm cho lòng Ta vui thoả.*

Nhưng xét về góc độ hình thức bên ngoài, người ta nhận thấy của lễ dân Ít-ra-en dâng tiến là tốt đẹp. Thế nhưng, giữa của lễ và lối sống của dân Ít-ra-en thì hoàn toàn trái ngược. Của lễ thì tốt đẹp nhưng đời sống thì sa đọa, bất công. Đó là lý do Thiên Chúa từ chối mọi lễ vật họ dâng lên.

c. Đức Chúa Trời từ chối các bài hát ngợi khen của họ (c.23)

*Hãy dẹp bỏ tiếng hát om sòm của ngươi,*

*Ta không muốn nghe tiếng đàn của ngươi nữa.*

Mạch văn Am 5,23 có sự chuyển từ việc dùng đại từ nhân xưng số nhiều *các ngươi* ở câu 21 và 22 sang đại từ ngôi thứ hai số ít *ngươi* ở câu 23. Điều này cho thấy đối tượng Thiên Chúa muốn nhắm vào từng con người, cá nhân cụ thể. Việc sử dụng động từ *הָסַר* (hā·sêr) với

---

<sup>10</sup> Lv 7,28-36.



lời mệnh lệnh là một dấu hiệu về sự không hài lòng của Thiên Chúa. Trong nghi thức dâng lễ tế, ngoài lễ vật thì luôn đi kèm với các bài vinh tụng ca, các nhạc cụ nhằm tăng thêm tính trang trọng của nghi lễ. Thiên Chúa từ chối việc dân chúng hát hò, Ngài cũng chẳng thích việc sử dụng các nhạc cụ trong khi dâng lễ. Những bài hát, âm thanh từ các nhạc cụ được sử dụng trong nghi lễ giờ đây được xem đó như là những âm thanh chướng tai, khiến Ngài phải “bịt tai” עָשָׂה נֶחֱם (lō 'ešmā' - không nghe). Sách Ma-la-khi 1,10 cũng đã nhắc đến việc Thiên Chúa chẳng ưng thuận các lễ phẩm từ tay dân Ít-ra-en: *Ai trong các người sẽ đóng cửa lại, để các người khỏi phải uống công đốt lửa trên bàn thờ của Ta? Ta chẳng hài lòng chút nào về các người, - Đức Chúa các đạo binh phán -, và Ta chẳng ưng nhận lễ phẩm từ tay các người dâng. Tương tự, trong Isaia 1,15 trình thuật lại: Khi các người dâng tay cầu nguyện, Ta bịt mắt không nhìn; các người có đọc kinh cho nhiều, Ta cũng chẳng thềm nghe. Vì tay các người đầy những máu.*

Quả vậy, Thiên Chúa muốn loại bỏ חַמְוֹנֵי שִׁירָה (hāmōwn širekā) tiếng hát, tiếng đàn mà dân Ít-ra-en đang sử dụng trong việc tế lễ lên Thiên Chúa. Vì vốn dĩ, các bài hát được sử dụng ở đây chính là những gì mà dân chúng sử dụng trong việc thờ cúng các thần ngoại bang. Điều đáng lưu ý, trong giai đoạn này, dân Miền Bắc đang thịnh vượng và đang chạy theo việc thờ cúng nhiều thần linh khác. Họ đặt tin tưởng vào thần linh nhưng lại không biết đâu là thần lành đâu là thần dữ. Nói đúng hơn, họ không còn trung thành với Thiên Chúa mà tin vào thần ngoại.

Qua đây, phân đoạn này trình bày thực tế việc Thiên Chúa từ chối hay chấp nhận các lễ phẩm dâng lên Ngài không dựa vào cơ sở là dân Ít-ra-en có tuân hành đúng các chỉ thị trong việc dâng lễ phẩm hay không, nhưng Ngài dựa trên động cơ thúc đẩy họ thực hành việc dâng cúng. Thiên Chúa không quan tâm đến việc của lễ đầy đủ hay thiếu, chiên bò béo tốt như thế nào, Ngài nhìn đến tâm hồn người dâng của lễ. Của lễ có cao sang đẹp đẽ thế nào đi nữa nhưng dâng lên với con tim trống rỗng, thiếu tình thương với đồng bào mình, trái giới

răn của Chúa, thì làm sao Thiên Chúa vui nhận được. Tổ chức nghi lễ thì hào nhoáng nhưng lối sống của họ đi ngược với công bình, đầy dẫy bất công, những người yếm thế luôn bị coi thường và bị áp bức. Thật vậy, những của lễ là hệ quả của sự bất công, của áp bức được dâng lên Thiên Chúa thì chẳng khác nào việc làm ô danh Thiên Chúa. Ngài không mong muốn những điều ấy từ dân Ngài. Ngài chờ đợi của lễ là đời sống thực thi công bằng và lẽ phải, là tinh thần nội tâm bên trong hơn là hình thức thờ phượng bên ngoài. Hay nói khác đi Thiên Chúa muốn dân thực thi các điều răn của Ngài, vì Ngài *muốn tình yêu chứ không cần hy lễ, thích được các người nhận biết hơn là được của lễ toàn thiêu* (Hs 6,8).

## **2. Thiên Chúa đòi buộc lẽ phải và công lý (Am 5,24)**

*Ta chỉ muốn cho lẽ phải như nước tuôn trào,  
cho công lý như dòng suối không bao giờ cạn.*

Sau khi A-mốt trình thuật việc Thiên Chúa từ chối mọi lễ phẩm dâng tiến cũng như mọi nghi thức trong nghi lễ (Am 5,21-23), Am 5,24 chuyển qua giọng văn lối mệnh lệnh. Khởi đầu với từ “Hãy” diễn tả điều Thiên Chúa muốn dân Ít-ra-en thực thi. Ngài mong đợi “lẽ phải” và “công lý” được thực thi hơn là lễ tế. Ngài muốn *lòng nhân chứ đâu cần hy lễ*. Lẽ phải và công lý không gì khác đó là lòng nhân, đối xử công bằng với người nghèo, người nhỏ bé.

Như đã trình bày ở trên, Am 5,21-23 trình thuật cho biết Thiên Chúa chẳng hài lòng gì về các hình thức phụng tự của dân, vì giữa đời sống và của lễ họ dâng không có sự thống nhất. Câu 24 mang ý nghĩa tương phản khi Thiên Chúa bày tỏ ý muốn của Ngài. Những của lễ, tiếng ca tiếng đàn hay các nghi thức chỉ trở nên xứng đáng trước Nhan Thiên Chúa khi được hòa hợp với מִשְׁפָּט (mišpāt) công lý và עֲדָלָה (ʿĕḏlāqāh) lẽ phải trong đời sống. Thiên Chúa muốn công lý cho những người bị lừa dối, công bằng cho những ai thấp kém, nghèo hèn, yếu thế, nhân phẩm bị coi thường, và lẽ phải cho những ai bị áp bức, bách hại. Thiên Chúa đòi hỏi lẽ phải như là ánh sáng và là điều kiện cần có để công lý được thực hiện. Điều

này không gì khác hơn là việc Chúa muốn con người có lòng trắc ẩn trong tương quan, nhân từ và độ lượng với anh em đồng bào, trung tín với Luật Chúa như tổ tiên họ là ông Abraham và Mô-sê đã tín trung.

Ở đây, để nhấn mạnh điều Thiên Chúa muốn, Am 5,24 đã sử dụng lối thơ ca song đối<sup>11</sup> đồng nghĩa:

<i>cho lẽ phải</i>	-	<i>như nước tuôn trào,</i>
<i>cho công lý</i>	-	<i>như dòng suối không bao giờ cạn.</i>

Như thế, dễ dàng nhận ra rằng hai câu thơ ở Am 5,24 cùng diễn tả một tư tưởng qua những từ ngữ khác nhau. Tuy cùng diễn tả một tư tưởng nhưng lối thơ song đối này xúc tích, diễn tả cảm xúc, tình cảm, chân lý và thông điệp qua hình ảnh cụ thể như dòng suối, nguồn nước.

Thiên Chúa muốn công lý và lẽ phải tuôn chảy như dòng suối – chảy không bao giờ cạn. Công lý và lẽ phải là chân lý Thiên Chúa đã mặc khải khai cho con cái Ít-ra-en qua tổ tiên họ. Giờ đây, đứng trước cảnh bất công xảy ra ngay chính trong con dân của Ngài. Giọng văn của A-mốt như lời cảnh tỉnh với dân Ít-ra-en rằng: Thiên Chúa muốn dân sống và thực thi sự công bằng cũng như lẽ phải. Đó là cách thể phản ánh bản chất của Thiên Chúa, là Đức Chúa của họ.

### **3. Thiên Chúa lên án việc chạy theo ngẫu tượng (Am 5,25-26)**

#### **a. Lịch sử của tổ tiên dân Ít-ra-en (c.25)**

*Hỡi nhà Ít-ra-en, bốn mươi năm trường trong sa mạc,  
các ngươi có dâng lên Ta hy lễ hay lễ phẩm nào không ?*

Thiên Chúa nhắc lại biến cố giải thoát dân Ít-ra-en ra khỏi Ai Cập và sống trong sa mạc 40 năm. Trong thời gian này, dân Ít-ra-en đã không ít lần quên đi ơn huệ của Thiên Chúa. Họ than trách Ngài và chạy theo việc thờ ngẫu tượng cùng các thần ngoại. Am 5,25 là

---

<sup>11</sup> Duane A. Garrett, *Amos - A Hand Book on the Hebrew Text* (Texas: Baylor University Press, 2008), 172-173.

một câu hỏi nhưng đồng thời cũng là việc nhắc lại biến cố và kinh nghiệm của con cái Ít-ra-en trong lịch sử. Việc dân bất tín, giả hình trong thờ phượng không phải là chuyện mới mẻ gì, nhưng điều quan trọng là sau mỗi biến cố, con cái Ít-ra-en đều phải nhận án phạt từ Thiên Chúa. Thế nhưng, cho đến lúc này, ngôn sứ A-mốt cho thấy những kinh nghiệm xưa kia của tổ tiên không đem lại bài học gì cho con cháu. Họ vẫn tiếp tục sống bất công, giả dối trước Nhan Đức Chúa.

Am 5,25 là một câu nói theo lối phủ định để cho dân Ít-ra-en thấy rằng họ đã quên đi ân nghĩa của Thiên Chúa ngay từ thời tổ tiên họ sống trong sa mạc 40 năm. Công vụ Tông Đồ 7,42 sẽ giúp hiểu rõ câu nói này: *Bấy giờ Thiên Chúa xoay mặt họ đi, và để mặc họ thờ thiên binh, như có lời chép trong sách các ngôn sứ: Hồi nhà Ít-ra-en, bốn mươi năm trường trong sa mạc, các người có dâng lên Ta vật hy sinh và lễ tế nào đâu?* Đó là câu phủ định nhưng ý nghĩa là khẳng định việc con cái Ít-ra-en trở mặt với Thiên Chúa. Họ đi tìm thần minh ngoại bang, dâng lễ tế cho ngẫu tượng là đá tảng mà họ chọn làm lãnh đạo. Bên ngoài họ tỏ vẻ cung kính, nhưng trong thâm tâm thì họ đã gạt Thiên Chúa ra một bên.

Suy cho cùng, ngôn sứ A-mốt muốn nhắc lại biến cố 40 năm trong sa mạc không vì mục đích nhắm đến là các của lễ hay nghi thức thờ phượng, nhưng để cho thấy Thiên Chúa luôn trung tín với dân Ngài đã chọn. Thiên Chúa để tâm đến con cái của Ngài và Ngài không hài lòng với sự khoa trương, hào nhoáng bên ngoài, nhưng Ngài chú ý đến tấm lòng và sự trung thành cách trọn vẹn của dân Ít-ra-en. Hay nói cách khác, Ngài muốn dân đến với Ngài bằng trọn cả con tim chân thành chứ không phải vì hình thức bên ngoài.

b. Thờ ngẫu tượng (c.26)

*Các người sẽ kiêu Xích-cút, vua của các người,  
và Ki-giun, ngôi sao của thần minh các người,  
là những ngẫu tượng các người đã làm ra để thờ.*

Trong 40 năm ở sa mạc, Thiên Chúa vẫn luôn nhìn đến nhà Ít-ra-en và luôn hướng dẫn cũng như nuôi dưỡng họ. Thế nhưng cũng không ít lần con dân Ngài đã tìm đến với thần Ba-an, thần của dân ngoại.. Thì nay, Ngôn sứ A-mốt ghi lại trình thuật Thiên Chúa lên án thực trạng của con cái Ít-ra-en đang kiêu thần Xích-cút và Ki-giun. Có thể hiểu rằng, sau khi Ít-ra-en chia đôi thành hai vương quốc,<sup>12</sup> vào thế kỉ thứ VIII, Miền Bắc Ít-ra-en đang thịnh vượng về kinh tế, mạnh về quân sự<sup>13</sup> và việc tổ hợp tôn giáo là hệ lụy kèm theo. Miền Bắc giao thương với các nước lân cận nên kinh tế phát triển thịnh vượng thì tôn giáo cũng có nhiều tác động mạnh mẽ trong đời sống tâm linh của con người. Hai vị thần Xích-cút và Ki-giun là hai vị thần của Đế quốc Át-Sua nằm ngay trên vương quốc Ít-ra-en.<sup>14</sup> Có thể do việc giao thương với các đế quốc lớn cạnh vùng Lưỡng Hà, đặc biệt là đế quốc hùng mạnh Át-sua nên ít nhiều cũng bị lây nhiễm các tập tục tôn giáo của các nước lân bang.

Trong bối cảnh ấy, việc du nhập các tôn giáo và tín ngưỡng mới đã làm mất lòng trung thành của dân Ít-ra-en với Thiên Chúa của họ. Khi đón nhận các tôn giáo và tín ngưỡng mới vào thì dân Ít-ra-en không chỉ nhấn mạnh đến tính bề ngoài của các nghi lễ mà còn tìm cách pha trộn các hình thức thờ phượng của các vị thần ngoại bang vào trong việc thờ phượng Thiên Chúa. Như vậy, dân Ít-ra-en đã cố ý tạo ra hình thức thờ phượng theo ý của họ, quên đi truyền thống của tổ tiên và quan trọng hơn là phớt lờ luật Chúa truyền. Đó là một sai lầm mà sách A-mốt trình thuật lại. Sách Công vụ Tông Đồ 7,43a đã trích lại Am 5,26 nhưng đã thay hai tên Xích-cút và Ki-giun thành Mô-lóc và Rê-phan: *Các ngời đã kiêu lêu của thần Mô-lóc và ngôi sao của thần Rê-phan, là những ảnh tượng các ngời đã làm ra để thờ.*

---

<sup>12</sup> Năm 931 Vương quốc Ít-ra-en bị chia đôi: Miền Nam được gọi là Giu-đa; Miền Bắc lấy tên là Ít-ra-en.

<sup>13</sup> Năm 802, Đế Quốc Át-sua tấn công Đa-mát là nước láng giềng và cũng là thù địch của Ít-ra-en. Đa-mát suy tàn nên Ít-ra-en có cơ hội mở rộng lãnh thổ về phía Bắc và giao thương với các nước lớn.

<sup>14</sup> Xích-cút: Tên của Adar – vị thần chiến tranh của người Át-sua. Ki-giun: Ngôi sao của thần minh.

Thomas Edward McComiskey, ed., *The Minor Prophets: An Exegetical and Expository Commentary - Vol 1: Hosea, Joel, and Amos* (Baker Book House, Grand Rapids, 1992), 433-434.

Thay vì hết lòng yêu mến Thiên Chúa, thì nay dân Ít-ra-en đem lòng yêu mến các ngẫu tượng, các thần ngoại bang. Họ cầu xin và sấp mình trước những vị thần ngoại lai để mong được những lợi lộc, giàu sang, phú quý, nhưng gạt lòng thương xót, công bằng, lẽ phải qua một bên. Họ trở nên mù quáng khi sùng kính trước những vị thần họ du nhập và các ngẫu tượng do chính họ làm ra. Hệ quả là vô tình Thiên Chúa cũng trở nên một thứ thần minh hay ngẫu tượng nào đó trong hệ thống tôn giáo của họ. Thế nên, ngôn sứ A-mốt báo cho họ biết là sự sụp đổ đang chờ đợi họ.

#### **4. Ân lưu đày cho nhà Ít-ra-en (Am 5,27)**

*Còn Ta, Ta sẽ đày các ngươi đi xa hơn Đa-mát*

*- ĐỨC CHÚA phán như vậy,*

*danh Ngươi là Thiên Chúa các đạo binh.*

*Còn Ta, Ta sẽ đày<sup>15</sup> các ngươi đi xa hơn Đa-mát<sup>16</sup>.* Đi xa hơn Đa-mát có thể là đế quốc Át-sua và sau này là đế quốc Babylon. Đây là kết quả mà Thiên Chúa sẽ dành cho dân Ít-ra-en vì nguyên do kể trên. Tại sao Thiên Chúa lại không dùng hình phạt nào khác ngoài việc cho dân đi lưu đày? Hình phạt đi lưu đày dường như là nỗi kinh hoàng đối với con người vì đó là hình ảnh của việc mất tự do, không còn danh phận, trở thành nô lệ. Dân Ít-ra-en cũng không ngoại lệ, họ còn thấy sợ hãi hơn khi họ đang là những người chủ, đang sống trong thịnh vượng, của cải chồng chất. Họ càng hoang mang hơn với ý tưởng đi lưu đày mà Chúa đặt ra, vì lưu đày thì đồng nghĩa với việc họ bị đuổi khỏi vùng đất hứa, vùng đất mà Thiên Chúa đã ban cho tổ tiên và cho chính họ trong vai trò là dân riêng của Ngài.

Có thể nói rằng, việc bị lưu đày là điều kinh hoàng hơn cả những xung đột, chiến tranh, hay đổ nát khi bị quân thù đánh bại. Thiên Chúa loan báo hình phạt dành cho dân Ít-ra-en là việc đi lưu đày, đi xa hơn cả Đa-mát là nước láng giềng. Đến năm 722, lịch sử Ít-ra-en

---

<sup>15</sup> Động từ גָּלָה (gālāh) có nghĩa là *lưu đày*, nó diễn tả một vấn đề liên quan đến nguyên nhân của một sự kiện.

<sup>16</sup> Đa-mát – tên đầy đủ là Vương Quốc ARAM DAMASCUS, ra đời từ thế kỷ 12 TCN đến năm 732 TCN. Đa-mát là vương quốc nằm phía Đông Bắc của Ít-ra-en.

đã ghi lại cuộc lưu đày của dân tộc được Chúa chọn trên vùng đất của Đế Quốc Át-sua,<sup>17</sup> sau đó là Babylon, các đế quốc này nằm trên châu thổ hai con sông lớn Tigris và Euphrates, mà người ta hay gọi là Lưỡng Hà. Sách Công Vụ Tông Đồ 7,43b còn cho câu trả lời: ... nên Ta đã đày các ngươi đến bên kia Ba-by-lon. Đó là một cuộc lưu đày lâu dài cho án phạt Thiên Chúa dành cho dân Ít-ra-en.

Để kết trình thuật, A-mốt cho dân Ít-ra-en biết ông không tự mình tuyên án phạt dành cho Ít-ra-en, nhưng ông mang thông điệp của Thiên Chúa, chính Người là Đức Chúa của dân Ít-ra-en, của các đạo binh, đã phán như vậy - ĐỨC CHÚA phán như vậy/thế này. Đây là cấu trúc được lặp đi lặp lại nhiều lần trong sách A-mốt.<sup>18</sup> Điều này phản ánh thẩm quyền đến từ Thiên Chúa, Ngài có quyền trên mọi sự. Đặc biệt, trong chính bối cảnh của dân Ít-ra-en lúc bấy giờ, A-mốt muốn nhắc lại cho dân biết rằng Thiên Chúa các đạo binh<sup>19</sup> có quyền trên chính dân tộc Ngài đã tuyển chọn. Giờ đây, chính Ngài sẽ chống lại con cái Ít-ra-en vì lối sống tội lỗi, và đây bắt công do chính họ gây ra. Hệ quả chính là việc dân Ít-ra-en phải rời bỏ quê hương mà lưu đày nơi xứ người.

---

<sup>17</sup> Gerhard von Rad, *The message of the Prophets* (London & Edinburgh: SCM Press, 1968), 104-105.  
Thomas Edward McComiskey, ed., *The Minor Prophets: An Exegetical and Expository Commentary - Vol 1: Hosea, Joel, and Amos* (Baker Book House, Grand Rapids, 1992), 434.

<sup>18</sup> Am 1,5.6.8.9.11.13.15 ; 2,1.3.4.6 ; 3.11.12 ; 5,3.4.16.17.27 ; 7,3.5.11.16.17 ; 9,15.

<sup>19</sup> Am 4,13 ; 5,14-16.27 ; 6,8.

## Kết Luận

Thực trạng của dân Ít-ra-en mà Ngôn sứ A-mốt lên án lúc bấy giờ là vì họ đang đi nước đôi, cố gắng phục vụ và tôn thờ nhiều vị thần linh. Dân Ít-ra-en vô tình xem Thiên Chúa của dân tộc mình là một vị thần minh như bao vị thần ngoại mà họ đang tôn thờ. Họ thấy tự mãn với những nghi lễ thờ phượng và nghĩ rằng tất cả những gì họ đang thực hành là tốt đẹp trước mắt Chúa. Thế nhưng, A-mốt đã cho dân Ít-ra-en thấy rằng Thiên Chúa không thể chịu đựng được các nghi thức thờ phượng họ thực hành để tôn vinh Ngài. Thiên Chúa từ chối của lễ, chê ghét nghi thức thờ phượng, và không muốn nghe tiếng đàn ca, tiếng hát om sòm của họ chút nào.

Thay vào đó, Thiên Chúa đòi hỏi lẽ phải và công lý được hiện hữu trên chính dân tộc ngài đã tuyển chọn. Ngài muốn con dân Ngài từ bỏ ngẫu tượng, xóa bỏ công xã hội, và loại trừ chủ nghĩa hình thức trong phụng tự. Thiên Chúa không mong chờ hình thức bề ngoài, nhưng chờ đợi tâm tình bên trong. Qua đó, Thiên Chúa cũng đòi hỏi dân Ít-ra-en hãy để tâm đến người thấp hèn, người kém may mắn. Thiên Chúa không mời gọi nhưng đúng hơn đó là chỉ thị đòi buộc dân Ít-ra-en phải thực thi. Điều Thiên Chúa chờ đợi là dân Ít-ra-en thi hành lẽ chính trực và công lý phải đi đôi với việc tìm kiếm Thánh ý Thiên Chúa và trung tín với Lời Ngài. Những điều này không được tách rời nhau. Nếu họ thực sự lắng nghe và thực hành mệnh lệnh của Thiên Chúa thì chắc hẳn công lý và lẽ phải sẽ hiện hữu cách minh nhiên trên dân tộc họ lúc bấy giờ. Thế nhưng, họ đã không tìm Thánh ý Thiên Chúa, thay vào đó lại chạy đến xin nương nhờ và chở che của các thần ngoại. Am 5,25-27 là lời kết tội và tuyên án phạt. Cái kết là Ít-ra-en phải chịu cảnh lưu đày, làm nô lệ cho kẻ thù và thần minh của kẻ thù, vì chính họ đã phục lạy thần minh của kẻ thù.



### III. Ứng Dụng

Có thể thấy rằng, trình thuật Am 5,21-27 diễn tả cách thức Thiên Chúa từ chối lối phụng tự nặng tính hình thức. Bản chất của lối phụng tự mà dân Ít-ra-en đang thực hành là sự giả hình, đầy tính phô trương ồn ào, hào nhoáng bên ngoài. Lối phụng tự đầy phô trương hầu mong làm đẹp lòng Thiên Chúa nhưng lại mâu thuẫn với đời sống đầy bất công, chạy theo ngẫu tượng. Như thời ngôn sứ A-mốt, các Ki-tô hữu ngày nay cũng đang phải đối mặt với những vấn đề tương tự: tin vào ngẫu tượng, thực hành tôn giáo nặng tính nghi lễ hay nói cách khác là nặng tính hình thức và phô trương bên ngoài, và lối sống thiếu vắng lẽ phải cùng công lý.

Dường như tin vào ngẫu tượng để trở thành một trào lưu trong xã hội hiện đại. Có quá nhiều thứ ngẫu tượng đang lôi kéo con người, và con người dễ tin vào. Tuy nhiên, ngẫu tượng là có để con người rời xa Thiên Chúa, để tìm ích lợi cho bản thân, để đặt chính mình vào trung tâm của thực tại, trong việc thờ lạy công trình mình làm ra.<sup>20</sup> Vì vốn dĩ ngẫu tượng có tai mà không nghe, có mắt mà không thấy, có miệng mà không nói. Thực tế ngay trong xã hội văn minh này, không ít người tin rằng một khi thờ ngẫu tượng thì danh vọng, quyền bính, tiền bạc, và những gì thỏa mãn ước muốn riêng sẽ đến với họ. Những điều ấy có sức hấp dẫn mạnh mẽ và là cám dỗ muôn thuở đối với con người, với mọi thời đại. Con người dễ rơi vào các ảo tưởng do các ngẫu tượng đem lại. Các ảo tưởng đến từ việc thờ cúng ngẫu tượng không đem lại giá trị trường tồn cho cuộc sống của con người, nó chỉ mang tính tạm thời khi cho con người cảm giác thỏa mãn nhưng không thật sự bình an. Nói khác đi, những món quà có được nhờ việc cung phụng, khấn vái ngẫu tượng không có giá trị hay không bảo đảm cho sự sống đời đời của Ki-tô hữu. Các Ki-tô hữu ngày nay có nguy cơ luôn mang theo bên mình những thứ ngẫu tượng ngay khi đang sắp mình thờ lạy Thiên Chúa, Đấng đem lại cho con

---

<sup>20</sup> Lumen Fidei, 13.

người bình an thật và sự sống đời đời. Họ cũng đồng thời cố gắng làm sao làm hài lòng các ngẫu tượng và ngay cả chính Thiên Chúa bằng nhiều cách thế.

Thực hành nghi lễ phụng tự quy mô và hào nhoáng, nặng tính hình thức là một trong những cách thế mà người ta tưởng rằng sẽ làm đẹp lòng đáng họ đang thờ. Trình thuật Am 5,21-27 cho thấy Thiên Chúa bác bỏ cách mạnh mẽ lối phụng tự mang tính chủ nghĩa hình thức ấy. Lối phụng tự như thế không khác gì một vở diễn, một màn kịch tưng bừng trên sân khấu. Ngày nay chúng ta có quá nhiều sáng kiến trong phụng vụ, không tập trung vào Lời Chúa. Những sáng kiến mang tính diễn kịch hơn là việc giúp người Ki-tô hữu đi sâu vào mầu nhiệm, vào Lời Chúa để thấm đẫm Lời Chúa và sống Lời Chúa.

Hình thức phụng tự không đem lại ơn cứu độ cho con người nhưng nó chỉ có thể là hoa trái của ơn cứu độ. Một khi thực hành lối phụng tự nặng tính bề ngoài mà không để tâm đến chiều sâu nội tâm và trong ý hướng ngay lành thì như thể con người đang trêu ngươi Thiên Chúa. Thiên Chúa mong chờ con người thật lòng yêu mến và thực thi giới luật của Ngài, chứ không hành động theo ý riêng. Chúa mời gọi mỗi Ki-tô hữu tề lễ chính bản thân mình. Của lễ đẹp lòng Thiên Chúa mà các Ki-tô hữu có thể dâng lên chính là bản thân và chính đời sống thánh thiện. Điều này quan trọng hơn mọi của lễ, mọi hình thức và nghi lễ phô trương ồn ào bên ngoài mà thiếu vắng lòng thành trong tâm hồn.

Nên chăng, hình thức phụng tự đẹp lòng Thiên Chúa là thực hành lối sống yêu thương, thực thi lẽ phải và bảo vệ công lý. Đối diện với những bất công xã hội ngày nay thì mỗi Ki-tô được mời gọi chống lại những bất công khởi từ con tim tinh tuyền dưới ánh sáng của Lời Chúa. Thay vì là những tác nhân góp phần vào việc gây chia rẽ, tạo nên đau thương và bất công xã hội vì tâm hồn chỉ tập trung vào hình thức phụng tự sao cho lớn lao, thì hãy trở nên những Ki-tô hữu khiến cho *lẽ phải như nước tuôn trào, cho công lý như dòng suối không bao giờ cạn*. Tuy vậy, lẽ phải và công lý phải khởi từ việc con người có mối tương quan đúng đắn với Thiên Chúa. Vì chỉ dựa trên nền công lý và lẽ phải của Thiên Chúa ban

hành mới đem lại ích lợi cho xã hội. Bất cứ ai dựa trên công lý và lẽ phải do mình đặt ra sẽ là đầu mối cho sự chia rẽ và bất công hiện hữu.

Kết thúc đoạn trình thuật, A-mốt cho thấy Thiên Chúa là vị thẩm phán công minh và án phạt là điều tất yếu cho những con người sống giả hình. Họ xem Thiên Chúa như “gã hề” vì lối sống của họ thì đầy tội lỗi và là nguyên do cho mọi bất công trong xã hội, nhưng cố che mắt Thiên Chúa bằng những lễ vật cùng kiểu phụng tự hình thức. Lưu đây là án phạt được xem như là một điều gì đó rất nặng nề, nghiêm trọng cho những ai có lối sống ấy. Nhưng qua đây, trích đoạn Am 5,21-27 cũng là lời mời gọi mỗi cá nhân duyệt xét lại mình, xem mình đang trong tình trạng nào và nó có phù hợp với ý Chúa hay không. Thật vậy, Thiên Chúa vẫn đang kiên nhẫn chờ đợi con người. Ngài là Đấng nhân từ và hay tha thứ cho những ai biết quy hướng về Ngài.

## Thư Mục Tham Khảo

- Blenkinsopp, Joseph. *A History of Prophecy in Israel – Revised and Enlarged*. Louisville: Westminster John Knox, 1996.
- Garrett, Duane A. *Amos - A Hand Book on the Hebrew Text*. Texas: Baylor University Press, 2008.
- Hasel, Gerhard F. *Understanding the Book of Amos: Basic Issues in the Current Interpretation*. Michigan: Baker Publishing Group (MI), 1991.
- Heschel, Abraham Joshua. *The Prophets*. New York: Harper & Row, 1962.
- Koch, Klaus. *The Prophets – Volume One: The Assyrian Period*. Great Britain, London: SCM Press, 1982.
- Matthews, Victor H. *Social World of the Hebrew Prophets*. Michigan: Baker Academic, 2011.
- McComiskey, Thomas Edward, ed. *The Minor Prophets: An Exegetical and Expository Commentary - Vol 1: Hosea, Joel, and Amos*. Baker Book House, Grand Rapids, 1992.
- Rad, Gerhard V. *The message of the Prophets*. London & Edinburgh: SCM Press, 1968.
- Nguyễn Ngọc Rao, O.P. *Các sách Ngôn Sứ*. Sài Gòn, 2006.
- Kinh Thánh Trọn Bộ*. Bản dịch và chú thích của Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ (CGKPV). Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011.